



fēi lái

飞来

verb · fly over; come flying

Example Sentences

yī zhī niǎo cóng chuāng wài fēi lái
一只鸟从窗外飞来。

A bird flew in from outside the window.

tā fēi lái běi jīng kāi huì
他飞来北京开会。

He flew to Beijing for a meeting.

Trace each character, then write the word on your own.

飞	飞	飞	飞	飞	飞														
来	来	来	来	来	来	来	来	来	来										